TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 237/2022/DS-ST
Ngày: 28 - 9 - 2022
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự, vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

2. Ông Lê Trung Thành.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự, vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 269/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 257/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Tùng Ch, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Số 405 Quốc lộ 91, khóm VL, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh AG (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hà L, sinh năm 1977; hộ khẩu thường trú: Ấp MC, xã MĐ, huyện CP, tỉnh AG. Chỗ ở (theo đăng ký tạm trú): Đường số 4 khu vực chợ CP, khóm VH, thị trấn VTT, huyện CP, tỉnh AG (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/4/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Tùng Ch trình bày:

Ngày 22/12/2020, ông Ch cho bà L vay số tiền 200.000.000 đồng, không có lãi, có làm Biên nhận nợ được công chứng; thỏa thuận cho bà L trả nợ trong 10 tháng, mỗi tháng trả 20.000.000 đồng, bắt đầu trả vào ngày 05/01/2021 đến khi hết nợ (ngày 05/11/2021). Tuy nhiên, từ ngày 05/01/2021 đến nay bà L không trả tiền được lần nào mà thường xuyên di chuyển chỗ ở. Do đó, ông Ch yêu cầu Tòa án buộc bà L trả cho ông Ch số tiền vốn vay 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Hà L vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Tại phiên tòa,

Ông Ch có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đó giữ nguyên yêu cầu bà L trả số tiền vốn vay 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ông Ch không yêu cầu tính lãi kể cả trong trường hợp bà L chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án trong giai đoạn thi hành án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ch, buộc bà L có nghĩa vụ trả cho ông Ch số tiền vốn vay 200.000.000 đồng. Ông Ch không yêu cầu tính lãi, kể cả trường hợp bà L chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án nên không xem xét.

- Về án phí, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ Biên nhận nợ được công chứng tại Văn phòng Công chứng Ngô Chiến ngày 22/12/2020, ghi địa chỉ của bà L tại ấp MC, xã MĐ, huyện CP, tỉnh AG. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà L thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho ông Ch biết về nơi cư trú mới. Qua xác minh tại Công an thị trấn VTT, huyện Châu Phú thể hiện bà L có đăng ký tạm trú tại khóm Vĩnh Hưng, thị trấn VTT kể từ ngày 12/5/2021 (sau ngày ông Ch nộp đơn khởi kiện) đến ngày 12/5/2022, có thuê nhà sinh sống tại đường số 4 khu vực chợ CP, khóm VH, thị trấn VTT. Khi hết thời hạn đăng ký tạm trú thì bà L không thực hiện đăng ký tạm trú mới nhưng vẫn tiếp tục sinh sống tại địa phương. Tại thời điểm xác minh ngày 17/8/2022 thì bà L đã bỏ đi khoảng 01 tuần, không rõ địa chỉ cư trú mới. Như vậy, bà L thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho ông Ch biết về nơi cư trú mới được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Tranh chấp giữa các đương sự về hợp đồng vay tài sản. Do đó, vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn ông Ch vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xác định chứng cứ trong vụ án: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà L, trong đó có nêu rõ nội dung khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn cùng chứng cứ kèm theo là Biên nhận nợ đề ngày 22/12/2020, nhưng bà L không có ý kiến phản đối hay có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do đó, Hội đồng xét xử xác định Biên nhận nợ ngày 22/12/2020 mà nguyên đơn cung cấp là chứng cứ để giải quyết vụ án.

[3] Về hợp đồng vay tài sản:

[3.1] Căn cứ Biên nhận nợ ngày 20/12/2020, lời khai của ông Ch trong quá trình giải quyết vụ án, có cơ sở xác định: Giữa ông Ch và bà L có xác lập hợp đồng vay tài sản vào ngày 20/12/2020; thuộc loại hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi; số tiền vốn vay là 200.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà L không thực hiện trả nợ vay cho ông Ch theo thỏa thuận.

[3.2] Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức giao dịch phù hợp với quy định tại các điều 117, 118, 119, 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Bị đơn bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên nguyên đơn ông Ch khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền vốn vay 200.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về việc tính lãi: Ông Ch tự nguyện không yêu cầu bà L trả lãi do chậm trả tiền; không yêu cầu tính lãi kể cả trường hợp bà L chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án trong giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của ông Ch được chấp nhận toàn bộ nên ông Ch không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cần trả lại cho ông Ch tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ và yêu cầu của ông Ch được chấp nhận toàn bộ nên bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 166, Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Tùng Ch.

Buộc bà Nguyễn Thị Hà L có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Tùng Ch số tiền vốn vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Bà L không phải trả lãi kể cả trong giai đoạn thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hà L phải chịu 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Phạm Tùng Ch số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003791 ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh AG.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Tùng Ch và bà Nguyễn Thị Hà L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Linh